

第58回中日本フェンシング選手権大会  
少年男子

技術委員署名

プール	所 属	氏 名	No.	1	2	3	4	5	6	M	V	V/M	TD	TR	ind
1P	愛工大名電	太田 拓輝	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	8	3.125
	岐阜各務野高校	横山 勇太	2	1	■	0	V5	V5	2	5	2	0.400	13	20	0.650
	龍谷大平安	西 村 拓	3	3	V5	■	V5	V5	4	5	3	0.600	22	13	1.692
	伊那北高校	鎌倉 京平	4	0	1	2	■	0	2	5	0	0.000	5	25	0.200
	富山西高校	笛山 実郷	5	2	4	1	V5	■	2	5	1	0.200	14	20	0.700
	海星高校	木場 悠斗	6	2	V5	V5	V5	V5	■	5	4	0.800	22	15	1.467
2P	大垣南高校	馬場 俊輔	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	1	25.000
	箕輪進修高校	中村 健人	2	1	■	4	V5	V5	V5	5	3	0.600	20	12	1.667
	羽島北高校	武藤 祐哉	3	0	V5	■	V5	1	V5	5	3	0.600	16	16	1.000
	京都きつず	高橋 佑太	4	0	1	1	■	0	V5	5	1	0.200	7	22	0.318
	佐賀商業高校	品川 聖也	5	0	1	V5	V5	■	V5	5	3	0.600	16	12	1.333
	鳴海高校	早川 慧俊	6	0	0	1	2	1	■	5	0	0.000	4	25	0.160
3P	山口県F協会	堀部 聖太	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	6	4.167
	龍谷大平安	安井 康太郎	2	4	■	V5	V5	V5	V5	5	4	0.800	24	13	1.846
	愛工大名電	山口 優生	3	0	0	■	4	1	V5	5	1	0.200	10	20	0.500
	海星高校	萩村 拓郎	4	0	3	V5	■	1	V5	5	2	0.400	14	19	0.737
	大垣南高校	多賀 優心	5	2	3	V5	V5	■	V5	5	3	0.600	20	13	1.538
	玉川高校	伊藤 茂輝	6	0	2	0	0	1	■	5	0	0.000	3	25	0.120
4P	和歌山北高校	井神 俊兵	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	1	25.000
	新田高校	隅岡 元氣	2	1	■	V5	V5	V5	V5	5	4	0.800	21	8	2.625
	長野JFC	太田 智也	3	0	1	■	4	V5	V5	5	2	0.400	15	20	0.750
	愛知商業高校	山田 紘暉	4	0	2	V5	■	V5	2	5	2	0.400	14	21	0.667
	静岡翔洋高校	伊藤 圭佑	5	0	0	3	4	■	1	5	0	0.000	8	25	0.320
	大垣南高校	山本 大貴	6	0	0	2	V3	V5	■	5	2	0.400	10	18	0.556
5P	しまモア	河村 一摩	1	■	■	1	V5	V5	V5	4	3	0.750	16	14	1.143
	揖斐高校	高橋 永介	2	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■	■
	京都C	遠藤 恒樹	3	V5	■	■	V5	V5	V5	4	4	1.000	20	6	3.333
	滋賀JFC	保知 純乃介	4	1	■	1	■	4	1	4	0	0.000	7	20	0.350
	鳴海高校	松井 賢慈	5	4	■	0	V5	■	1	4	1	0.250	10	19	0.526
	水橋高校	永原 正大	6	4	■	4	V5	V5	■	4	2	0.500	18	12	1.500
6P	岐阜各務野高校	大竹 謙	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	12	2.083
	愛工大名電	富田 陸	2	4	■	4	1	1	4	5	0	0.000	14	25	0.560
	海星高校	浦西 大智	3	4	V5	■	1	V5	4	5	2	0.400	19	20	0.950
	大分県選抜	山田 樹生	4	3	V5	V5	■	4	V5	5	3	0.600	22	14	1.571
	鳥取工業高校	市川 亜武	5	1	V5	1	V5	■	V5	5	3	0.600	17	17	1.000
	箕島高校	中林 大知	6	0	V5	V5	2	2	■	5	2	0.400	14	23	0.609
7P	龍谷大平安	飯村 一輝	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	7	3.571
	和歌山北高校	小泉 寛真	2	1	■	V5	V5	1	3	5	2	0.400	15	18	0.833
	愛工大名電	永津 梶麻	3	0	2	■	2	1	2	5	0	0.000	7	25	0.280
	羽島北高校	花村 俊哉	4	0	1	V5	■	1	1	5	1	0.200	8	22	0.364
	富山西高校	金道竜太	5	2	V5	V5	V5	■	V5	5	4	0.800	22	10	2.200
	大垣南高校	大野 瑞輝	6	4	V5	V5	V5	2	■	5	3	0.600	21	16	1.313
8P	星槎国際高等学校	山口 改	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	5	5.000
	岐阜各務野高校	後藤 悠希	2	1	■	V5	2	V5	V5	5	3	0.600	18	14	1.286
	鳥羽F.C	木下 太陽	3	1	1	■	2	V5	V5	5	2	0.400	14	18	0.778
	和歌山東高校	松原 久弥	4	2	V5	V5	■	V5	V5	5	4	0.800	22	14	1.571
	玉川高校	沼田 陸	5	1	2	1	2	■	1	5	0	0.000	7	25	0.280
	愛知商業高校	丹羽 彬	6	0	1	2	3	V5	■	5	1	0.200	11	21	0.524
9P	乙訓高校	宿院 徳真	1	■	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	7	3.571
	松山JFC	檜垣 純堅	2	3	■	V5	3	V5	V5	5	3	0.600	21	12	1.750
	大垣南高校	津田 憲尚	3	0	0	■	3	2	V5	5	1	0.200	10	24	0.417
	至学館高校	小畠 英人	4	3	V5	V5	■	4	V5	5	3	0.600	22	18	1.222
	静岡翔洋高校	米倉 侑哉	5	1	0	V5	V5	■	V5	5	3	0.600	16	18	0.889
	伊那北高校	熊谷 優士	6	0	2	4	2	2	■	5	0	0.000	10	25	0.400

10P	大垣南高校	戸 谷 一 貴	1		V5	V5	V5	2		4	3	0.750	17	7	2.429
	玉川高校	中 西 皓 紀	2	0	0	0	0	0		4	0	0.000	0	20	0.000
	鳥羽高校	里 中 優 夢	3	0	V5		V5	0		4	2	0.500	10	12	0.833
	岐阜各務野高校	磯 野 光 希	4	2	V5	2		2		4	1	0.250	11	15	0.733
	京都きつず	中 谷 亮 彦	5	V5	V5	V5	V5			4	4	1.000	20	4	5.000
			6												
11P	福井県F協会	谷 下 尚 弥	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333
	静岡翔洋高校	立 石 紘 大	2	1	4	V5	1			4	1	0.250	11	17	0.647
	和歌山北高校	鎌 田 雄 成	3	0	V5		V5	0		4	2	0.500	10	18	0.556
	大垣南高校	小 野 凌 雅	4	3	2	4		1		4	0	0.000	10	20	0.500
	佐賀商業高校	服 部 将 伍	5	2	V5	V5	V5			4	3	0.750	17	7	2.429
			6												
12P	山口県F協会	柏 原 翔 太	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	9	2.222
	鳴 海 高 校	篠 原 和 真	2	2	2	1	1	1		4	0	0.000	6	20	0.300
	岐阜各務野高校	前 田 航 希	3	2	V5		4	V5		4	2	0.500	16	16	1.000
	海 星 高 校	小 津 貴 慈	4	4	V5	V5		V5		4	3	0.750	19	12	1.583
	KIRI.JR	加 藤 那 瑞	5	1	V5	4	2			4	1	0.250	12	16	0.750
			6												
13P	羽島北高校	飯 田 凉 吾	1		1	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	7	2.286
	和歌山東高校	太 田 航 輔	2	V5		V5	V5	V5		4	4	1.000	20	7	2.857
	水 橋 高 校	加 藤 巨 樹	3	2	4		V5	V5		4	2	0.500	16	13	1.231
	鳥羽高校	岡 村 空 馬	4	0	1	1		3		4	0	0.000	5	20	0.250
	愛知商業高校	松 下 凌 真	5	0	1	2	V5			4	1	0.250	8	18	0.444
			6												
14P	大垣南高校	押 谷 一 樹	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000
	箕輪中学	中 村 駿 太	2	0	1	3	4			4	0	0.000	8	20	0.400
	和 北 J r	菊 元 雪	3	3	V5		3	V5		4	2	0.500	16	11	1.455
	愛工大名電	大 平 遼 羽	4	0	V5	V5		4		4	2	0.500	14	16	0.875
	海 星 高 校	今 村 駿 佑	5	2	V5	0	V5			4	2	0.500	12	18	0.667
			6												
15P	富山西高校	田 辺 空 我	1		V5	1	V5	V5		4	3	0.750	16	9	1.778
	鳴 海 高 校	本 間 優 貴	2	2	0	1	2			4	0	0.000	5	20	0.250
	岐阜各務野高校	大 竹 凜	3	V5	V5		V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000
	揖斐高校	多 田 伊 織	4	1	V5	0		2		4	1	0.250	8	16	0.500
	龍 谷 大 平 安	小 西 慧	5	1	V5	1	V5			4	2	0.500	12	14	0.857
			6												
16P	立教新座中学	橋 本 祥 英	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667
	岐阜各務野高校	鹿 島 淳 平	2	2		V5	3	V5		4	2	0.500	15	12	1.250
	Iwata Fencing Club	花 木 口 ブ	3	0	2		V5	V5		4	2	0.500	12	13	0.923
	玉川高校	坪 田 玲 弥	4	1	V5	3		V5		4	2	0.500	14	14	1.000
	愛工大名電	原 祥 太	5	0	0	0	1			4	0	0.000	1	20	0.050
			6												
17P	龍谷大平安	田 中 風 舞	1		V5	V5	V5	V4		4	4	1.000	19	6	3.167
	静岡翔洋高校	澤 田 隼 豊	2	0	0	0	V5	V5		4	2	0.500	10	14	0.714
	至学館高校	近藤青洋	3	1	V5		V5	V5		4	3	0.750	16	7	2.286
	羽島北高校	大 北 唯 斗	4	2	1	1		4		4	0	0.000	8	20	0.400
	水 橋 高 校	清 水 稜 介	5	3	3	1	V5			4	1	0.250	12	18	0.667
			6												
18P	愛工大名電	加 賀 匠 馬	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333
	長野JFC	峯 健 介	2	1		0	3	V4		4	1	0.250	8	17	0.471
	しまモア	高 橋 橙 生	3	3	V5		V5	V5		4	3	0.750	18	8	2.250
	鳥羽F C	江崎蒼一朗	4	2	V4	2		V5		4	2	0.500	13	14	0.929
	和歌山東高校	湯 川 和 弘	5	0	3	1	1			4	0	0.000	5	19	0.263
			6												

19P	乙訓高校	大野潤平	1	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000
	しまモア	光田陽翔	2	1	2	V5	V5		4	2	0.500	13	15	0.867
	津東高校	斎藤健太	3	0	V5	2	V5	4	4	2	0.500	14	15	0.933
	富山パレスFC	藤野正真	4	1	2	3	V5		4	1	0.250	11	18	0.611
	羽島北高校	川添琉斗	5	0	3	V5	3		4	1	0.250	11	19	0.579
			6											
20P	しまモア	福田亮介	1	V5	V5	2	V5		4	3	0.750	17	10	1.700
	鳴海高校	高見祐貴	2	0	V5	V4	1		4	2	0.500	10	13	0.769
	羽島北高校	西川祥立	3	1	0	3	V5		4	1	0.250	9	15	0.600
	鳥取工業高校	井筒麟太郎	4	V5	3	V5	V5		4	3	0.750	18	9	2.000
	伊那北高校	田中良樹	5	4	V5	0	0		4	1	0.250	9	16	0.563
			6											
21P	福井県F協会	戸井和希	1	4	V5	V5	V5		4	3	0.750	19	11	1.727
	龍谷大平安	吉田樹生	2	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	9	2.222
	大垣南高校	片野新之輔	3	1	4	3	V5		4	1	0.250	13	19	0.684
	揖斐高校	河合晴人	4	2	1	V5	2		4	1	0.250	10	18	0.556
	愛知商業高校	坂東啓太	5	3	0	4	V5		4	1	0.250	12	17	0.706
			6											
22P	向陽高校	山下光	1	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
	岐阜各務野高校	和田遙輝	2	1	0	4	1		4	0	0.000	6	20	0.300
	立教新座中学	橋本雄偉	3	0	V5	V5	V5		4	3	0.750	15	7	2.143
	愛工大名電	堀智貴	4	0	V5	1	V5		4	2	0.500	11	16	0.688
	海星高校	服部峻介	5	3	V5	1	2		4	1	0.250	11	16	0.688
			6											
23P	和歌山北高校	吉田晃大	1	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000
	鳴海高校	太田圭亮	2	0	1	V5	0		4	1	0.250	6	18	0.333
	大垣南高校	荒川彰仁	3	0	V5	V5	V5		4	3	0.750	15	13	1.154
	鳥羽高校	植木鐘平	4	0	3	4	V5	0	4	0	0.000	7	20	0.350
	箕輪進修高校	三浦優斗	5	2	V5	3	V5		4	2	0.500	15	10	1.500
			6											
24P	愛工大名電	伊藤真吾	1	V5	V5	V5	1		4	3	0.750	16	9	1.778
	佐賀商業高校	佐藤英琉	2	2	0	3	0		4	0	0.000	5	20	0.250
	箕島高校	山本裕暉	3	0	V5	V5	2		4	2	0.500	12	13	0.923
	静岡翔洋高校	杉山比呂	4	2	V5	3	V5	1	4	1	0.250	11	18	0.611
	羽島北高校	加藤颯人	5	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
			6											
25P	大垣南高校	溝口晴也	1	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000
	富山西高校	佐野航琉	2	1	V5	V5	4		4	2	0.500	15	14	1.071
	至学館高校	仲尾次紅輝	3	0	1	0	0		4	0	0.000	1	20	0.050
	和歌山東高校	金森冬馬	4	3	3	V5	3		4	1	0.250	14	15	0.933
	海星高校	小崎一磨	5	1	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	12	1.333
			6											
26P	山口県F協会	石村隆之介	1	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
	大垣南高校	伊藤大智	2	2	2	2	V5		4	1	0.250	11	18	0.611
	沼津FC	関谷拓実	3	0	V5	3	2		4	1	0.250	10	17	0.588
	豊田大谷高校	岩本青龍	4	1	V5	V5	V5	1	4	2	0.500	12	15	0.800
	龍谷大平安	丹羽健人	5	1	3	V5	V5		4	2	0.500	14	13	1.077
			6											
27P	大垣南高校	勅使河原明日架	1	V5	V5	V5	1		4	3	0.750	16	7	2.286
	玉川高校	村瀬大陸	2	0	2	1	0		4	0	0.000	3	20	0.150
	愛工大名電	伊東英汰	3	1	V5	3	1		4	1	0.250	10	17	0.588
	岐阜各務野高校	山口碧	4	1	V5	V5	0		4	2	0.500	11	14	0.786
	長野JFC	杉岡瑞基	5	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	2	10.000
			6											

28P	福井県F協会	川端優太	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000
	海星高校	干場雄大	2	1		1	4	V5		4	1	0.250	11	18	0.611
	松山城南高校	佐伯新	3	2	V5		1	4		4	1	0.250	12	16	0.750
	愛工大名電	杉浦敬祐	4	2	V5	V5		4		4	2	0.500	16	15	1.067
	大垣南高校	宮坂遼	5	0	3	V5	V5			4	2	0.500	13	18	0.722
			6												
29P	龍谷大平安	宮川恒	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667
	伊那北高校	小林聖矢	2	1		V5	V5	V5		4	3	0.750	16	13	1.231
	静岡翔洋高校	山本博也	3	0	3		1	V5		4	1	0.250	9	16	0.563
	岐阜各務野高校	鍵谷和希	4	2	4	V5		V5		4	2	0.500	16	11	1.455
	鳴海高校	西本零生	5	0	1	1	0			4	0	0.000	2	20	0.100
			6												
30P	愛工大名電	井上誉聰	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	5	4.000
	和歌山北高校	辰吉源	2	2		1	V5	0		4	1	0.250	8	17	0.471
	大垣南高校	服部翔斗	3	2	V5		V5	V5		4	3	0.750	17	12	1.417
	長野JFC	登内雄心	4	0	2	3		V5		4	1	0.250	10	15	0.667
	龍谷大平安	大后秀明	5	1	V5	3	0			4	1	0.250	9	15	0.600
			6												
31P	大垣南高校	岡田卓也	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667
	鳴海高校	坂上直弥	2	0		V5	2	V5		4	2	0.500	12	10	1.200
	水橋高校	兒玉陸都	3	0	1		3	3		4	0	0.000	7	20	0.350
	岐阜各務野高校	白木涼太	4	3	V3	V5		V5		4	3	0.750	16	11	1.455
	箕島高校	谷紘輔	5	0	1	V5	1			4	1	0.250	7	18	0.389
			6												
32P	福井県F協会	小林達明	1		V5	3	V5	1		4	2	0.500	14	14	1.000
	海星高校	佐藤光琉	2	1		V5	V5	V5		4	3	0.750	16	15	1.067
	至学館高校	鈴木創偉	3	V5	3		3	3		4	1	0.250	14	18	0.778
	大垣南高校	小坂井翼	4	3	3	V5		V5		4	2	0.500	16	17	0.941
	玉川高校	片山将太	5	V5	4	V5	4			4	2	0.500	18	14	1.286
			6												
33P	大分県選抜	小田翔一朗	1		1	V5	V5	V5		4	3	0.750	16	12	1.333
	羽島北高校	山田晃暉	2	V5		4	V5	V5		4	3	0.750	19	9	2.111
	しまモア奥	田玲大	3	4	V5		V5	V5		4	3	0.750	19	14	1.357
	伊那北高校	安江光一	4	0	1	4		4		4	0	0.000	9	20	0.450
	愛知商業高校	蜜澤裕汰	5	3	2	1	V5			4	1	0.250	11	19	0.579
			6												
34P	乙訓高校	西村啓佑	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	6	3.333
	静岡翔洋高校	吉川颯太	2	1		3	0	4		4	0	0.000	8	20	0.400
	山口県F協会	森多諒	3	3	V5		V5	V5		4	3	0.750	18	12	1.500
	愛工大名電	弓長昇主	4	2	V5	3		V5		4	2	0.500	15	12	1.250
	揖斐高校	平田一成	5	0	V5	1	2			4	1	0.250	8	19	0.421
			6												
35P	向陽高校	森大翔	1		V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000
	海星高校	帶山陸	2	2		V5	V5	V5		4	3	0.750	17	9	1.889
	鳴海高校	原友大	3	0	0		0	1		4	0	0.000	1	20	0.050
	大垣南高校	黒翔太	4	2	1	V5		V5		4	1	0.250	11	15	0.733
	南箕輪わくわくC	保科幸作	5	0	3	V5	V5			4	2	0.500	13	14	0.929
			6												
36P	立教新座中学校	浦部光	1		2	V5	V5	V5		4	3	0.750	17	8	2.125
	佐賀商業高校	服部健人	2	V5		2	V5	V5		4	3	0.750	17	9	1.889
	静岡翔洋高校	高橋拳一	3	0	V5		1	V5		4	2	0.500	11	14	0.786
	しまモア石橋廉大	石橋廉大	4	2	1	V5		1		4	1	0.250	9	16	0.563
	岐阜各務野高校	服部輝史	5	1	1	2	V5			4	1	0.250	9	16	0.563
			6												